

THỜI KHÓA BIỂU KHOA TRIẾT HỌC (HỆ CHÍNH QUY)

Học kỳ: 02 - Năm học: 2022 - 2023

HỌC KỲ II - TRIẾT 1 - KHÓA 2022 - 2026**Môn cơ sở ngành**

STT	Mã môn	Tên HP	Số TC	Số Tiết	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian học	Tên CBGD	Ghi chú
1	TRI121	Khoa học luận	2	30	6	Chiều (6 - 9)		21/4 - 2/6	TS. Đỗ Văn Thắng	
2	TRI037	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30	4	Chiều (6 - 9)		19/04 - 7/6	TS. Nguyễn Thanh Long	

HỌC KỲ II - TRIẾT 2 - KHÓA 2021 - 2025

STT	Mã môn	Tên HP	Số TC	Số Tiết	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian học	Tên CBGD	Ghi chú
1	TRI128	Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành triết học	2	30	4	Chiều (6 - 9)	B1.2-32	29/3 - 17/05	TS. Phạm Thị Loan	
2	TRI129	Triết học xã hội	2	30	4	1 (1 - 5)	B1.2-12	29/3 - 10/05	TS. Nguyễn Anh Quốc	Triết 2 + CNXHKH2
3	TRI044	Lịch sử triết học phương Đông cổ đại	3	45	5	Chiều (6 - 9)	B4-203	02/02 - 13/04	TS. Phạm Thị Loan	
4	TRI045.1	Lịch sử triết học phương Tây cổ đại	2	30	3	Sáng (1-5)	B4-203	07/02 - 21/02	TS. Nguyễn Thị Thùy Duyên	
					7	Sáng (1 - 5)	B4-203	11/02 - 25/02	TS. Nguyễn Thị Thùy Duyên	
5	TRI088	Triết học pháp quyền	2	30	4	Sáng (1 - 5)	B4-203	01/02 - 8/3	TS. Ngô Thị Mỹ Dung	Triết 2 + CNXHKH2
6	TRI108.1	Triết học văn hóa	2	30	2	Chiều (6 - 9)	B4-203	24/4 - 12/06	TS. Đào Tuấn Hậu	Triết 2 + KHCT4
7	TRI001.2	Bản chất thế giới	2	30	5	Sáng (1 - 5)	C1-02	09/02 - 16/03	Th.S. Châu Văn Ninh	Triết 2 + KHCT3 + CNXHKH2
8	TRI127	Triết học đạo đức	2	30	6	Sáng (1 - 5)	B4-203	03/02 - 10/03	TS. Ngô Thị Mỹ Dung	Triết 2 + CNXHKH2

HỌC KỲ II - CNXHKH 2 - KHÓA 2021 - 2025

STT	Mã môn	Tên HP	Số TC	Số Tiết	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian học	Tên CBGD	
1	TRI001.2	Bản chất thế giới	2	30	5	Sáng (1 - 5)	C1-02	09/02 - 16/03	Th.S. Châu Văn Ninh	Triết 2 + KHCT3 + CNXHKH2
2	TRI129	Triết học xã hội	2	30	4	Sáng (1- 5)	B1.2-12	29/3 - 10/05	TS. Nguyễn Anh Quốc	Triết 2 + CNXHKH2

3	TRI088	Triết học pháp quyền	2	30	4	Sáng (1 - 5)	B4-203	01/02 - 08/03	TS. Ngô Thị Mỹ Dung	Triết 2 + CNXHKH2
4	TRI068.1	Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành CNXHKKH	2	30	4	Chiều (6 - 9)	B4-203	01/02 - 15/3	Th.S. Nguyễn Thị Bích Cầm	
5	TRI092	Triết học tôn giáo	2	30	3	Chiều (6 - 9)	B4-203	31/01 - 14/03	TS. Nguyễn Thoại Linh	
6	TRI123	Nhập môn CNXHKKH	2	30	2	Sáng (1 - 5)	B4-203	30/01 - 06/03	TS. Đào Tuấn Hậu	
7	TRI127	Triết học đạo đức	2	30	6	Sáng (1 - 5)	B4-203	03/02 - 10/03	TS. Ngô Thị Mỹ Dung	Triết 2 + CNXHKKH2

HỌC KỲ II - KHCT3 KHÓA 2020 - 2024

STT	Mã môn	Tên HP	Số TC	Số Tiết	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian học	Tên CBGD	Ghi chú
1	TRI032.1	Hệ thống chính trị thế giới hiện đại	2	30	4	Sáng (1 - 5)	B4-203	29/03 - 10/05	TS. Nguyễn Tuấn Khanh	
2	TRI001.2	Bản chất thế giới	2	30	5	Sáng (1 - 5)	C1-02	09/02 - 16/03	Th.S. Châu Văn Ninh	Triết 2 + KHCT3 + CNXHKKH2
3	TRI021	Đảng chính trị	2	30	4	Sáng (1 - 5)	B4-204	01/02 - 08/03	TS. Võ Châu Thịnh	
4	LSU095	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	2	30	4	Chiều (6 - 9)	B4-203	29/03 - 17/05	PGS. TS. Trần Thị Mai	
5	TRI005	Chính trị học so sánh	2	30	4	Chiều (6 - 9)	B4-204	01/02 - 15/03	TS. Võ Châu Thịnh	KHCT3 + TRIẾT 3
6	TRI107.1	Quyền lực chính trị	2	30	3	Sáng (1 - 5)	B4-206	28/03 - 09/05	TS. Hồ Anh Dũng	
7	TRI119	Chính trị và đạo đức	2	30	5	Sáng (1 - 5)	B4-206	30/03 - 04/05	TS. Nguyễn Anh Quốc	KHCT3 + KHCT4
8	TRI072	Thế chế chính trị các nước Đông Nam Á	2	30	6	Chiều (6 - 9)	A1-13	17/3 - 28/4	PGS. TS. Hoàng Văn Việt	học chung khoa ĐPH

HỌC KỲ II - KHCT4 KHÓA 2019 -2023

STT	Mã môn	Tên HP	Số TC	Số Tiết	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian học	Tên CBGD	Ghi chú
1	TRI034	Kinh điển khoa học chính trị cổ, cận đại	2	30	6	Sáng (1 - 5)	B4-204	03/02 - 10/03	PGS. TS. Đinh Ngọc Thạch	
2	TRI012	Chuyên đề triết học Mác - Lênin	2	30	4	Sáng (1 - 5)	B4-206	29/03 - 12/04	PGS. TS. Cao Xuân Long	
					6	Sáng (1 - 5)	B4-206	31/03 - 14/04		
3	TRI013	Chuyên đề kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	2	Chiều (6 - 9)	B4-203	06/02 - 20/03	Th.S. Nguyễn Thanh Long	
4	TRI108.1	Triết học văn hóa	2	30	2	Chiều (6 - 9)	B4-203	24/04 - 12/06	TS. Đào Tuấn Hậu	Triết 2 + KHCT4

5	TRI119	Chính trị và đạo đức	2	30	5	Sáng (1 - 5)	B4-206	30/03 - 04/05	TS. Nguyễn Anh Quốc	KHCT3 + KHCT4
6	TRI073.2	Thực tập, thực tế cuối khóa	4	60					TS. Võ Châu Thịnh và TS. Đinh Văn Chiến	

HỌC KỲ II - TRIẾT 4 KHÓA 2019 - 2023

STT	Mã môn	Tên HP	Số TC	Số Tiết	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian học	Tên CBGD	Ghi chú
1	XHH031	Xã hội học quản lý	2	30	5	Sáng (2 - 5)	B4-203	27/04 - 08/06	TS. Vũ Toàn	
2	XHH032	Chính sách xã hội	3	45	5	Sáng (2 - 5)	C1-03	02/02 - 13/04	TS. Vũ Toàn	TRIẾT 3 + TRIẾT 4 + CNXHKH3
3	TRI026	Địa chính trị thế giới	3	45	3,4,5,6,7	Cả ngày (1 - 9)	S3(B4-206), C3(B4-407), SC4(B4-304), SC5(B4-309), SC6(B4-307), SC7(B4-204)	21/3, 22/3, 23/3, 24/3, 25/3	TS. Đoàn Anh Tú	
4	TLH029	Tâm lý học quản lý	3	45	3	Sáng (1 - 5)	B4-303	28/03 - 30/05	PGS. TS. Ngô Minh Tuấn	
5	TRI112	Chính sách công	3	45	6	1 - 10	601 (Nhà điều hành)	10/02 - Sáng 10/03	TS. Lê Văn Công	
6	TRI073.2	Thực tập, thực tế cuối khóa	4	60						
7	TRI117	Triết học trong khoa học tự nhiên	2	30	6	Sáng (1 - 5)	B4-203	31/03 - 05/05	TS. Nguyễn Anh Quốc	
8	GDH004	Đại cương khoa học quản lý	2	30	5	Chiều (6 - 9)	B4-308	06/04 - 18/05	TS. Đỗ Văn Thắng	TR3, TR4
9	TRI036	Kinh tế tri thức với vấn đề CNH, HĐH ở Việt Nam	2	30	2	Chiều (6 - 9)	B4-206	27/03 - 15/05	TS. Phạm Đình Huân	

3 tín chỉ
45 tiết

3 tín chỉ
45 tiết

3 tín chỉ
45 tiết

3 tín chỉ
45 tiết

HỌC KỲ II - TRIẾT 3 KHÓA 2019 - 2023

STT	Mã môn	Tên HP	Số TC	Số Tiết	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian học	Tên CBGD	Ghi chú
1	GDH004	Đại cương khoa học quản lý	2	30	5	Chiều (6 - 9)	B4-308	06/04 - 18/05	TS. Đỗ Văn Thắng	TR3, TR4
2	TRI089	Triết học phương Đông thời kỳ phong kiến	3	45	3	Chiều (6 - 9)	B4-204	31/01 - 11/04	TS. Phạm Thị Loan	
3	TRI091	Triết học phương Tây trung, cận đại	3	25	4	Sáng (1 - 5)	B4-205	01/02 - 01/03	PGS. TS. Đinh Ngọc Thạch	
	TRI091	Triết học phương Tây trung, cận đại	3	20	4	Sáng (1 - 5)	B4-205	08/03 - 29/03	TS. Nguyễn Trọng Nghĩa	
4	TRI043	Lịch sử triết học Mác - Lênin	2	30	3	Sáng (1 - 5)	B4-204	31/01 - 07/03	PGS. TS. Đinh Ngọc Thạch	

5	XHH032	Chính sách xã hội	3	45	5	Sáng (2 - 5)	C1-03	02/02 - 13/04	TS. Vũ Toàn	TRIẾT 3 + TRIẾT 4 + CNXHKKH3	3 tín chỉ 45 tiết
6	TRI015	Con người và quyền con người trong thế giới hiện đại	2	30	6	Sáng (1 - 5)	B4-204	31/03 - 05/05	PGS. TS. Vũ Văn Gầu	TRIẾT 3 + CNXHKKH3	
7	TRI005	Chính trị học so sánh	2	30	4	Chiều (6 - 9)	B4-204	01/02 - 15/03	TS. Võ Châu Thịnh	KHCT3 + TRIẾT 3	
8	TRI095.1	Triết học về con người	2	30	6	Chiều (6 - 9)	B4-203	03/02 - 17/03	PGS.TS. Vũ Văn Gầu		

HỌC KỲ II LỚP CNXHKKH3 KHÓA 2020-2024

STT	Mã môn	Tên HP	Số TC	Số Tiết	Thứ	Tiết	Phòng	Thời gian học	Tên CBGD	Ghi chú	
1	TRI009	Chuyên đề CNXHKKH (nhóm 2)	3	45	2	Chiều (6 - 9)	B4-204	30/01 - 10/04	TS. Đào Tuấn Hậu		2 tín chỉ 30 tiết
2	TRI010	Chuyên đề CNXHKKH (nhóm 3)	3	45	5	Chiều (6 - 9)	B4-309	06/4 - 15/6	Th.S. Nguyễn Thị Phương Thành		
3	TRI003.1	Các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin về CNXHKKH (giai đoạn C.Mác và Ph.Ăngghen)	2	30	3	Chiều (6 - 9)	B4-205	31/01 - 14/03	PGS. TS. Đinh Ngọc Thạch		
4	TRI004.1	Các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin về CNXHKKH (giai đoạn V.I.Lênin)	2	30	4	Chiều (6 - 9)	B4-205	01/02 - 15/03	PGS. TS. Đinh Ngọc Thạch		
5	TRI055	Lý luận văn hóa và đường lối văn hóa của ĐCSVN	2	30	7	Sáng (1 - 5)	B4-204	4/2 - 11/03	TS. Nguyễn Thị Huỳnh Như		3 tín chỉ 45 tiết
6	TRI104	Xây dựng Đảng	2	30	6	Chiều (6 - 9)	B4-204	03/02 - 17/03	PGS. TS. Hà Trọng Thà		
7	XHH002	Chính sách xã hội	3	45	5	Sáng (2 - 5)	C1-03	02/02 - 13/04	TS. Vũ Toàn	TRIẾT 3 + TRIẾT 4 + CNXHKKH3	
8	TRI015	Con người và quyền con người trong thế giới hiện đại	2	30	6	Sáng (1 - 5)	B4-204	31/03 - 05/05	PGS. TS. Vũ Văn Gầu	TRIẾT 3 + CNXHKKH3	
9	TRI056.1	Lý luận về hình thái kinh tế - xã hội và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	2	30	3	Sáng (1 - 5)	B4-304	28/03 - 09/05	TS. Nguyễn Anh Quốc		

